

Đề số:

ĐỀ THI THỰC HÀNH  
NGHỀ : TIN HỌC  
Hệ: Trung học phổ thông

Thời gian làm bài: 60 phút (Word và Excel- không kể thời gian phát đề)

PHẦN I: SOẠN THẢO VĂN BẢN TRÊN MS-WORD (5.0 ĐIỂM)

Thí sinh soạn văn bản theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình

CHIỀU SINH CÁC LỚP NĂNG KHIẾU

- I. ĐỐI TƯỢNG: Học sinh các trường trên địa bàn thành phố.
- II. NỘI DUNG: Các môn: võ, vẽ, múa, đàn.
- III. THỜI GIAN: Khai giảng ngày 27/09. Sáng: từ 6<sup>h</sup> đến 9<sup>h</sup> các ngày trong tuần, chiều: từ 14<sup>h</sup> đến 17<sup>h</sup> các ngày trong tuần.
- IV. LỊCH HỌC.

| BUỔI      | SÁNG                                          |                                               | CHIỀU                                               |                                                 |
|-----------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| THỜI GIAN | VÕ                                            | VẼ                                            | MÚA                                                 | ĐÀN                                             |
|           | Thứ 4<br>(Từ 7 <sup>h</sup> -9 <sup>h</sup> ) | Thứ 3<br>(Từ 7 <sup>h</sup> -9 <sup>h</sup> ) | Thứ 2<br>(Từ 14 <sup>h</sup> 30-16 <sup>h</sup> 30) | Thứ 4<br>(Từ 15 <sup>h</sup> -17 <sup>h</sup> ) |
|           | Thứ 7<br>(Từ 6 <sup>h</sup> -8 <sup>h</sup> ) | Thứ 6<br>(Từ 7 <sup>h</sup> -9 <sup>h</sup> ) | Thứ 5<br>(Từ 14 <sup>h</sup> -16 <sup>h</sup> )     | Thứ 7<br>(Từ 15 <sup>h</sup> -17 <sup>h</sup> ) |

- Ghi danh vào các buổi trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu.
- Địa điểm: Trung tâm Đại Quang, ☎ 3877 7783

PHẦN II: BẢNG TÍNH EXCEL (5,0 ĐIỂM).

Thí sinh tạo bảng tính theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình:

|    | A                                                       | B               | C             | D               | E | F               | G | H            | L   | M           |
|----|---------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-----------------|---|-----------------|---|--------------|-----|-------------|
| 1  | BẢNG ĐIỂM MÔN TIN HỌC - HỌC KỲ I<br>NĂM HỌC 2019 - 2020 |                 |               |                 |   |                 |   |              |     |             |
| 2  | STT                                                     | Họ tên          | Điểm<br>miệng | Điểm<br>hệ số 1 |   | Điểm<br>hệ số 2 |   | KT<br>học kỳ | TBM | Xếp<br>loại |
| 3  | 1                                                       | Nguyễn Dũng     | 4             | 8               | 7 | 5               | 3 | 4            | ?   | ?           |
| 4  | 2                                                       | Trần Thị Thu Hà | 7             | 8               | 6 | 7               | 9 | 8            | ?   | ?           |
| 5  | ?                                                       | Lê Minh Khánh   | 8             | 7               | 5 | 8               | 7 | 8            | ?   | ?           |
| 6  | ?                                                       | Nguyễn Văn Lộc  | 6             | 7               | 3 | 5               | 4 | 4            | ?   | ?           |
| 7  | ?                                                       | Trần Thị Mai    | 9             | 8               | 8 | 9               | 8 | 9            | ?   | ?           |
| 8  | ?                                                       | Lê Đình Nam     | 8             | 9               | 9 | 8               | 9 | 9            | ?   | ?           |
| 9  | ?                                                       | Dương Oanh Oanh | 9             | 8               | 9 | 9               | 9 | 9            | ?   | ?           |
| 10 | ?                                                       | Lê Văn Thảo     | 5             | 4               | 6 | 3               | 4 | 5            | ?   | ?           |
| 11 | ?                                                       | Đào Duy         | 7             | 8               | 9 | 7               | 9 | 9            | ?   | ?           |
| 12 | Tổng số học sinh giới:                                  |                 |               |                 |   |                 |   |              | ?   |             |
| 13 | Tổng số học sinh yếu:                                   |                 |               |                 |   |                 |   |              | ?   |             |
| 14 | Điểm trung bình môn cao nhất:                           |                 |               |                 |   |                 |   |              | ?   |             |
| 15 | Điểm trung bình môn thấp nhất:                          |                 |               |                 |   |                 |   |              | ?   |             |

- Tính điểm TBM (trung bình môn): điểm miệng hệ số 1, KT học kỳ hệ số 3.
- Xếp loại: Nếu điểm TBM  $\geq 8$  thì xếp loại Giỏi, còn lại: TBM  $\geq 6.5$  xếp loại Khá, còn lại: TBM  $\geq 5$  xếp loại TB, còn lại: xếp loại Yếu.
- Tính điểm KT học kỳ cao nhất và điểm KT học kỳ thấp nhất.
- Tính điểm TBM cao nhất và điểm TBM thấp nhất.
- Thêm cột để tính VỊ THỨ học sinh theo điểm TBM (dùng hàm RANK).

Đề số:

ĐỀ THI THỰC HÀNH  
NGHỀ : TIN HỌC  
Hệ: Trung học phổ thông

Thời gian làm bài: 60 phút (Word và Excel- không kể thời gian phát đề)

**PHẦN I: SOẠN THẢO VĂN BẢN TRÊN MS-WORD (5.0 ĐIỂM)**  
Thí sinh soạn văn bản theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình

**DỰ TOÁN LẮP ĐẶT THIẾT BỊ VĂN PHÒNG**

**Kính gửi: CÔNG TY TNHH TÂN ĐÔNG HẢI**  
Địa chỉ: Z12345.

Theo đề xuất của quý công ty, sau khi phân tích nhu cầu thực tế, có chú ý đến hướng phát triển của công ty, chúng tôi gợi ý lắp đặt các trang thiết bị văn phòng sau đây (kèm theo đơn giá), gợi đến quý công ty để tiện tham khảo:

| STT                                  | Tên thiết bị           | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền |
|--------------------------------------|------------------------|---------|----------|------------|
| 1                                    | Máy Fax P007           | 2000    | 3        | 6000       |
| 2                                    | Máy tính Queentum VIII | 2500    | 1        | 2500       |
| 3                                    | Máy Photocopy 9x       | 1200    | 1        | 1200       |
| 4                                    | Máy in Laser H10-L5    | 750     | 1        | 750        |
| 5                                    | Máy in Epsno 110000    | 620     | 1        | 620        |
| 6                                    | Điện thoại để bàn Y12K | 150     | 3        | 150        |
| Tổng cộng:                           |                        |         |          | 11220      |
| Viết bằng chữ: Một một hai hai không |                        |         |          |            |

Rất mong được sự phúc đáp của Quý công ty để chúng tôi có kế hoạch cung ứng trang thiết bị kịp thời.  
Ngày 20 tháng 10 năm 2020  
Người lập dự toán

Bửu Ngọc

**PHẦN II: BẢNG TÍNH EXCEL (5,0 ĐIỂM).**  
Thí sinh tạo bảng tính theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình:

|        | A                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | B             | C      | D                                                                                        | E     | F      | G          |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--------|------------|---------|---------|---------|----|-----------|------|----|--------------|------|----|--------------|------|
| 1      | TÌNH HÌNH KINH DOANH TRONG NGÀY                                                                                                                                                                                                                                                                   |               |        |                                                                                          |       |        |            |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| 2      | STT                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tài xế        | Mã Cty | Tên Cty                                                                                  | Số km | Thưởng | Thành tiền |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| 3      | 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ái Mỹ Nhân    | VT     | ?                                                                                        | 43    | ?      | ?          |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| 4      | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nguyễn Đăng   | AT     | ?                                                                                        | 21    | ?      | ?          |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| 5      | 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Trần Nguyên   | MT     | ?                                                                                        | 5     | ?      | ?          |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| 6      | 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đỗ Hậu        | VT     | ?                                                                                        | 67    | ?      | ?          |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| 7      | 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Khánh Bá Toàn | AT     | ?                                                                                        | 8     | ?      | ?          |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| 8      | <div><div>Bảng tên công ty, đơn giá:</div><div><table><tr><td>Mã Cty</td><td>Tên Cty</td><td>Đơn giá</td></tr><tr><td>VT</td><td>Taxi Vani</td><td>6400</td></tr><tr><td>AT</td><td>Taxi Airport</td><td>6000</td></tr><tr><td>MT</td><td>Taxi Mai Mai</td><td>5600</td></tr></table></div></div> |               |        |                                                                                          |       |        |            | Mã Cty  | Tên Cty | Đơn giá | VT | Taxi Vani | 6400 | AT | Taxi Airport | 6000 | MT | Taxi Mai Mai | 5600 |
| Mã Cty |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |               |        |                                                                                          |       |        |            | Tên Cty | Đơn giá |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| VT     | Taxi Vani                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6400          |        |                                                                                          |       |        |            |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| AT     | Taxi Airport                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6000          |        |                                                                                          |       |        |            |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| MT     | Taxi Mai Mai                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5600          |        |                                                                                          |       |        |            |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| 9      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |               |        |                                                                                          |       |        |            |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| 10     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |               |        | 1. Điền tên công ty theo mã công ty                                                      |       |        |            |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| 11     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |               |        | 2. Thưởng: Nếu số km <= 10 thì không thưởng, ngược lại thưởng 500đ mỗi km, từ km thứ 11. |       |        |            |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| 12     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |               |        | 3. Thành tiền = Số km x đơn giá - thưởng                                                 |       |        |            |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| 13     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |               |        | 4. Tính tổng số km của Taxi Vani và tổng thành                                           |       |        |            |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| 14     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |               |        | tiền của Taxi Vani                                                                       |       |        |            |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| 15     | Tổng số km của Taxi Vani:                                                                                                                                                                                                                                                                         |               |        |                                                                                          |       |        |            |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |
| 16     | Tổng thành tiền của Taxi Vani:                                                                                                                                                                                                                                                                    |               |        |                                                                                          |       |        |            |         |         |         |    |           |      |    |              |      |    |              |      |

- Điền tên công ty theo mã công ty
- Thưởng: Nếu số km <= 10 thì không thưởng, ngược lại thưởng 500đ mỗi km, từ km thứ 11.
- Thành tiền = Số km x đơn giá - thưởng
- Tính tổng số km của Taxi Vani và tổng thành tiền của Taxi Vani

Đề số:

**ĐỀ THI THỰC HÀNH**  
**NGHỀ : TIN HỌC**  
**Hệ: Trung học phổ thông**

Thời gian làm bài: 60 phút (Word và Excel- không kể thời gian phát đề)

**PHẦN I: SOẠN THẢO VĂN BẢN TRÊN MS-WORD (5.0 ĐIỂM)**

Thí sinh soạn văn bản theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình

## CHUỘT VI TÍNH VÀ MÀN HÌNH MINI TRÊN MẮT KÍNH

🖱️ Các nhà khoa học đang nghiên cứu sáng chế một công nghệ mới cho phép các nhà kinh doanh sản phẩm trên mạng Internet nắm bắt chuyển động của chuột có thể biết máy tính có đọc văn bản hay không

🖱️ Chuyện màn hình truyền hình nhỏ trong phim trình thám và khoa khoa học đã biến điều này thành "kính" đưa hình ảnh ra mắt kính với



được tâm lý khách hàng, căn cứ vào được người đang ngồi trước màn hình hoặc đang đọc phần nào của văn bản.

trên mắt kính xưa nay là trò đùa nho học viễn tưởng. Nhưng gần đây các nhà hiện thực, bằng kỹ thuật "kính trong độ phân giải đạt 320 x 240. 🌟

**PHẦN II: BẢNG TÍNH EXCEL (5,0 ĐIỂM).**

Thí sinh tạo bảng tính theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình:

|    | A                      | B                   | C                | D               | E           | F           | G          | H                   | I              | J             |
|----|------------------------|---------------------|------------------|-----------------|-------------|-------------|------------|---------------------|----------------|---------------|
| 1  | <b>KẾT QUẢ THI</b>     |                     |                  |                 |             |             |            |                     |                |               |
| 2  | <b>STT</b>             | <b>Tên học viên</b> | <b>Giới tính</b> | <b>Năm sinh</b> | <b>MÔN</b>  |             |            | <b>Khuyến khích</b> | <b>Điểm TB</b> | <b>Vị thứ</b> |
| 3  |                        |                     |                  |                 | <b>VIẾT</b> | <b>NGHE</b> | <b>NÓI</b> |                     |                |               |
| 4  | 1                      | Phạm Thị Nhung      | Nữ               | 1989            | 10          | 3           | 4          | ?                   | ?              | ?             |
| 5  | 2                      | Chung Tấn Phát      | Nam              | 1990            | 9           | 2           | 5          |                     |                | ?             |
| 6  | ?                      | Võ Ngọc Loan        | Nữ               | 1988            | 8           | 3           | 6          |                     |                | ?             |
| 7  | ?                      | La Huệ Anh          | Nữ               | 1987            | 7           | 4           | 7          |                     |                | ?             |
| 8  | ?                      | Huỳnh Thái Khâm     | Nam              | 1989            | 6           | 5           | 8          |                     |                | ?             |
| 9  | ?                      | Nhâm Đường          | Nam              | 1988            | 6           | 6           | 7          |                     |                | ?             |
| 10 | ?                      | Lê Hùng Tấn         | Nam              | 1990            | 7           | 7           | 6          |                     |                | ?             |
| 11 | ?                      | Nguyễn Hà Thi       | Nữ               | 1989            | 8           | 6           | 5          |                     |                | ?             |
| 12 | ?                      | Võ Đức Duy          | Nam              | 1991            | 9           | 5           | 4          |                     |                | ?             |
| 13 | ?                      | Dương Văn Mạnh      | Nam              | 1987            | 10          | 4           | 3          |                     |                | ?             |
| 14 | Tổng của học viên nam: |                     |                  |                 | ?           | ?           | ?          |                     | ?              |               |
| 15 | Cao nhất:              |                     |                  |                 | ?           | ?           | ?          |                     | ?              |               |
| 16 | Thấp nhất:             |                     |                  |                 | ?           | ?           | ?          |                     | ?              |               |

1 Khuyến khích: Cộng 2 nếu năm sinh > 1990, cộng 1 nếu sinh năm 1990, còn lại: 0.

2. Điểm trung bình:  $TB = (VIẾT + 2*NGHE + 3*NÓI)/6 + \text{Khuyến khích}$ .

Đề số:

ĐỀ THI THỰC HÀNH  
NGHỀ : TIN HỌC  
Hệ: Trung học phổ thông

Thời gian làm bài: 60 phút (Word và Excel- không kể thời gian phát đề)

PHẦN I: SOẠN THẢO VĂN BẢN TRÊN MS-WORD (5.0 ĐIỂM)  
Thí sinh soạn văn bản theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình

ĐẶC TÍNH CỦA MÁY TÍNH ĐIỆN TỬ

Các đặc tính của máy tính điện tử là:

- MT có thể làm việc 24/24 mà không mệt mỏi.
- Tốc độ xử lý thông tin nhanh.

- ☪☪☪☪---
- Độ chính xác cao
  - MT có thể lưu trữ một lượng thông tin lớn trong một không gian hạn chế.
  - Có thể liên kết với nhau thành một mạng và chia sẻ dữ liệu với nhau.
  - Máy tính ngày càng gọn nhẹ, tiện dụng và phổ biến.

HOÁ ĐƠN BÁN HÀNG

| 1. Tên khách hàng: |          | 2. Địa chỉ: |         |            |
|--------------------|----------|-------------|---------|------------|
| S H H              | Tên hàng | Số lượng    | Đơn giá | Thành tiền |
| 1                  | Sắt      | 30          | 10.000  |            |
| 2                  | Thép     | 100         | 15.000  |            |
| 3                  | Xi măng  | 10          | 50.000  |            |
| ...                |          |             |         |            |
| Tổng cộng:         |          |             |         |            |

PHẦN II: BẢNG TÍNH EXCEL (5,0 ĐIỂM).

Thí sinh tạo bảng tính theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình:

|    | A                                                                                                              | B         | C          | D        | E       | F       | G         | H | I |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|----------|---------|---------|-----------|---|---|
| 1  | BẢNG MÃ VẬT TƯ VÀ ĐƠN GIÁ                                                                                      |           |            |          |         |         |           |   |   |
| 2  | Ngày                                                                                                           | Mã vật tư | Tên vật tư | Số lượng | Đơn giá | Cước VC | Tổng cộng |   |   |
| 3  | 25/07/2000                                                                                                     | XMHT      |            | 52       |         |         |           |   |   |
| 4  | 28/09/2000                                                                                                     | FE10      |            | 42       |         |         |           |   |   |
| 5  | 30/09/2000                                                                                                     | FE08      |            | 41       |         |         |           |   |   |
| 6  | 10/10/2000                                                                                                     | XMBS      |            | 50       |         |         |           |   |   |
| 7  | 07/12/2000                                                                                                     | FE10      |            | 45       |         |         |           |   |   |
| 8  | Yêu cầu: Điền giá trị cho các cột còn trống, biết:                                                             |           |            |          |         |         |           |   |   |
| 9  | 1/ Tên vật tư: Dựa vào Mã vật tư, nếu 2 ký tự đầu là FE thì tên VT là Sắt, còn lại là Xi măng                  |           |            |          |         |         |           |   |   |
| 10 | 2/ Đơn giá: Nếu Mã VT là XMHT: 60.000, Nếu Mã VT là XMBS: 55.000,                                              |           |            |          |         |         |           |   |   |
| 11 | Nếu Mã VT là FE10: 41.000, Nếu Mã VT là FE10: 41.000                                                           |           |            |          |         |         |           |   |   |
| 12 | 3/ Cước vận chuyển: Nếu là Sắt, cước vận chuyển bằng 10%(đơn giá x số lượng), còn lại: 15%(đơn giá x số lượng) |           |            |          |         |         |           |   |   |
| 13 | 4/ Tổng cộng = đơn giá x số lượng + cước vận chuyển                                                            |           |            |          |         |         |           |   |   |
| 14 | 5/ Sắp xếp theo thứ tự giảm dần dựa vào cột Tổng cộng                                                          |           |            |          |         |         |           |   |   |

Đề số:

**ĐỀ THI THỰC HÀNH**  
**NGHỀ : TIN HỌC**

Hệ: Trung học phổ thông

Thời gian làm bài: 60 phút (Word và Excel- không kể thời gian phát đề)

**PHẦN I: SOẠN THẢO VĂN BẢN TRÊN MS-WORD (5.0 ĐIỂM)**

Thí sinh soạn văn bản theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình

# CÁCH LÀM KEM PLAN

Nguyên liệu để làm sản phẩm bánh flan chủ yếu bao gồm:

1. Trứng (thường dùng trứng gà cho sản phẩm không bị tanh, trứng chủ yếu lấy lòng đỏ)



2. Sữa (có thể là sữa đặc có đường, sữa tươi, sữa bột)

3. Đường kính được thăng chuyển hóa thành caramen.

## CÁCH LÀM BÁNH KEM PLAN

Ngoài ra, nhiều địa phương, vùng miền còn sử dụng các nguyên liệu khác như bột mì, nước cốt dừa, dừa nạo, nước thạch trắng làm từ rau câu, kem, nước ép hoa quả;

*các phụ gia khác như nước cốt chanh, vani;*

và các loại hoa quả trang trí như thanh long, dâu tây, dứa v.v.

**PHẦN II: BẢNG TÍNH EXCEL (5,0 ĐIỂM).**

Thí sinh tạo bảng tính theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình:

|    | A                                                                                 | B                  | C                  | D              | E               | F                 | G               | H           | I         | J |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|----------------|-----------------|-------------------|-----------------|-------------|-----------|---|
| 1  | <b>BẢNG KÊ CHI TIẾT</b>                                                           |                    |                    |                |                 |                   |                 |             |           |   |
| 2  | <b>STT</b>                                                                        | <b>LOẠI VẬT TƯ</b> | <b>ĐƠN VỊ TÍNH</b> | <b>ĐƠN GIÁ</b> | <b>SỐ LƯỢNG</b> | <b>THÀNH TIỀN</b> | <b>BẢNG PHỤ</b> |             |           |   |
| 3  | 1                                                                                 | Xi măng            |                    |                | 50              |                   | Loại VT         | Đơn vị tính | Tổng tiền |   |
| 4  | 2                                                                                 | Bột màu            |                    |                | 20              |                   | Xi măng         | Bao         |           |   |
| 5  | 3                                                                                 | Xi măng            |                    |                | 30              |                   | Bột màu         | Kg          |           |   |
| 6  | 4                                                                                 | Son gỗ             |                    |                | 75              |                   | Son gỗ          | Hộp         |           |   |
| 7  | 5                                                                                 | Son gỗ             |                    |                | 68              |                   |                 |             |           |   |
| 8  | 6                                                                                 | Bột màu            |                    |                | 20              |                   |                 |             |           |   |
| 9  | 7                                                                                 | Xi măng            |                    |                | 25              |                   |                 |             |           |   |
| 10 | Yêu cầu: Điền giá trị cho các cột còn trống, biết:                                |                    |                    |                |                 |                   |                 |             |           |   |
| 11 | 1/ Đơn vị tính: Dựa vào bảng phụ                                                  |                    |                    |                |                 |                   |                 |             |           |   |
| 12 | 2/ Đơn giá: Nếu là Xi măng: 62.000, nếu là Bột màu: 20.000, nếu là Sơn gỗ: 40.000 |                    |                    |                |                 |                   |                 |             |           |   |
| 13 | 3/ Thành tiền = Số lượng x đơn giá                                                |                    |                    |                |                 |                   |                 |             |           |   |
| 14 | 4/ Tổng tiền: Tính tổng thành tiền theo từng loại mặt hàng                        |                    |                    |                |                 |                   |                 |             |           |   |

Đề số :

ĐỀ THI THỰC HÀNH  
NGHỀ : TIN HỌC  
Hệ: Trung học phổ thông  
Thời gian làm bài: 60 phút (Word và Excel- không kể thời gian phát đề)

**PHẦN I: SOẠN THẢO VĂN BẢN TRÊN MS-WORD (5.0 ĐIỂM)**  
*Thí sinh soạn văn bản theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình*

Đề có được một tour như ý, trước khi thăm một quốc gia hay vùng lãnh

thỏ nào đó, bạn hãy chọn mùa đẹp nhất trong năm. Một khung cảnh đẹp, không khí dễ chịu sẽ tạo thêm nhiều niềm vui trong cuộc hành trình khám phá miền đất lạ. Dưới đây là ~~là~~ lời khuyên của các chuyên gia du lịch.

**PHẦN II: BẢNG TÍNH EXCEL (5,0 ĐIỂM).**  
*Thí sinh tạo bảng tính theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình:*

|   | A                                                           | B        | C          | D     | E          | F           | G           | H             |
|---|-------------------------------------------------------------|----------|------------|-------|------------|-------------|-------------|---------------|
| 1 | THỐNG KÊ CÁC LOẠI MẶT HÀNG<br>Công ty XYZ, tháng 6 năm 2010 |          |            |       |            |             |             |               |
| 2 | Tên<br>Mặt hàng                                             | Mã<br>HĐ | Mã<br>loại | STTHĐ | Đơn<br>giá | Số<br>lượng | Giảm<br>giá | Thành<br>tiền |
| 3 | Kaki 2                                                      | K1252    |            |       | 80000      | 15          |             |               |
| 4 | Jean 1                                                      | J2011    |            |       | 200000     | 24          |             |               |
| 5 | Jean 2                                                      | J0982    |            |       | 150000     | 12          |             |               |
| 6 | Kaki 1                                                      | K5801    |            |       | 120000     | 30          |             |               |

- Yêu cầu:
- Lập công thức cho cột Mã Loại, biết rằng: Ký tự cuối cùng của Mã HĐ là Mã Loại
  - Lập công thức cho cột STT HĐ, biết rằng: 3 ký tự giữa của Mã HĐ là STT của hoá đơn.
  - Tính cột giảm giá sao cho:
    - Nếu Mã loại là 1 thì Giảm giá = 30%\*Đơn giá \* Số lượng
    - Nếu Mã loại là 2 thì Giảm giá = 50%\*Đơn giá \* Số lượng
  - Tính cột thành tiền = Đơn giá \* Số lượng - Giảm giá

Đề số:

**ĐỀ THI THỰC HÀNH**  
**NGHỀ : TIN HỌC**  
**Hệ: Trung học phổ thông**

Thời gian làm bài: 60 phút (Word và Excel- không kể thời gian phát đề)

**PHẦN I: SOẠN THẢO VĂN BẢN TRÊN MS-WORD (5.0 ĐIỂM)**

*Thí sinh soạn văn bản theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình*

**T**hiên nga có lẽ đã được coi là biểu tượng của Phần Lan từ thuở xa xưa. Ở những bức phác hoạ trên đá có niên đại hàng nghìn

năm ở hồ Onega, Thiên nga đã được thể hiện như một sự tích kỳ bí. Ngoài ra, hình ảnh chú thiên nga trắng muốt bay trên nền trời xanh được liên hệ với lá cờ của Phần Lan, có nền trắng với sọc xanh. Không chỉ thế, Thiên nga nó là con vật phổ biến nhất được đưa vào các clip quảng cáo, và là dấu hiệu đảm bảo hàng hoá không gây nhiễm cho môi trường.

**PHẦN II: BẢNG TÍNH EXCEL (5,0 ĐIỂM).**

*Thí sinh tạo bảng tính theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình:*

|   | A                                | B                   | C          | D              | E         | F             | G                 | H              |
|---|----------------------------------|---------------------|------------|----------------|-----------|---------------|-------------------|----------------|
| 1 | <b>BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ THÀNH</b> |                     |            |                |           |               |                   |                |
| 2 | <b>STT</b>                       | <b>Tên mặt hàng</b> | <b>ĐVT</b> | <b>ĐG Nhập</b> | <b>SL</b> | <b>Phí VC</b> | <b>Thành tiền</b> | <b>ĐG Xuất</b> |
| 3 | 1                                | ĐƯỜNG               | KG         | 7500           | 150       |               |                   |                |
| 4 | 2                                | TRỨNG               | CHỤC       | 10000          | 225       |               |                   |                |
| 5 | 3                                | BƠ                  | KG         | 40000          | 118       |               |                   |                |
| 6 | 4                                | SỮA                 | HỘP        | 7800           | 430       |               |                   |                |
| 7 | 5                                | MUỐI                | KG         | 3500           | 105       |               |                   |                |
| 8 | 6                                | GAO                 | KG         | 6000           | 530       |               |                   |                |
| 9 | 7                                | BỘT                 | KG         | 4300           | 275       |               |                   |                |

**Yêu cầu:**

1. Lập công thức cho cột phí vận chuyển (Phí VC), biết rằng

$$\text{Phí VC} = (\text{ĐC Nhập} * \text{SL}) * 5\%$$

2. Lập công thức cho cột thành tiền biết:

$$\text{Thành tiền} = \text{ĐG Nhập} * \text{SL} + \text{Phí VC}$$

3. Lập công thức cho cột ĐG Xuất

$$\text{ĐG Xuất} = \text{Thành tiền} + 2\% \text{Thành tiền}$$

4. Định dạng các ô chứa trị dạng số: không có số lẻ và có dấu phân cách phần nghìn

Đề số:

**ĐỀ THI THỰC HÀNH**  
**NGHỀ : TIN HỌC**  
**Hệ: Trung học phổ thông**

Thời gian làm bài: 60 phút (Word và Excel- không kể thời gian phát đề)

**PHẦN I: SOẠN THẢO VĂN BẢN TRÊN MS-WORD (5.0 ĐIỂM)**

Thí sinh soạn văn bản theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình

**T**hế kỷ 19, cây bulô được lãng mạn hoá và đi vào văn chương khá nhiều. Truyện cổ tích Cây bulô và ngôi sao của Zacharias Topelius kể về hai đứa trẻ bị lạc. Sau nhiều ngày tìm kiếm, chúng

trở về được ngôi nhà yêu dấu nhờ nhận ra cây bulô quen thuộc trước sân. Ngày nay, hình ảnh cô gái mặc trang phục truyền thống dựa vào cây bulô được coi là biểu tượng của Phần Lan,

có tới hàng trăm thiệp mừng mang hình ảnh tương tự. Thậm chí có một người đàn ông trẻ đã cầu hôn với cô dâu tương lai bằng chiếc nhẫn làm từ vỏ cây bulô. 🍷🍷

**PHẦN II: BẢNG TÍNH EXCEL (5,0 ĐIỂM).**

Thí sinh tạo bảng tính theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình:

|   | A                            | B           | C          | D            | E           | F       | G      | H               | I         |
|---|------------------------------|-------------|------------|--------------|-------------|---------|--------|-----------------|-----------|
| 1 | <b>BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG</b> |             |            |              |             |         |        |                 |           |
| 2 | STT                          | Họ lót      | Lương ngày | Số ngày công | Lương tháng | Chức vụ | Thưởng | Phụ cấp chức vụ | Thực lãnh |
| 3 | 1                            | Cao Văn Cốt | 50000      | 26           |             | GD      |        |                 |           |
| 4 | 2                            | Bùi Thị Bé  | 45000      | 23           |             | PGD     |        |                 |           |
| 5 | 3                            | Đỗ Văn Đậu  | 40000      | 25           |             | PGD     |        |                 |           |
| 6 | <b><u>Tổng cộng:</u></b>     |             |            |              |             |         |        |                 |           |

**Yêu cầu:**

- Tính cột Lương Tháng = Lương ngày\*số ngày công
- Lập công thức cho cột thưởng, với mức thưởng được ấn định như sau:  
Nếu số ngày công >=25: Thưởng 20%\* Lương Tháng  
Nếu số ngày công >=22: Thưởng 10%\* Lương Tháng  
Nếu số ngày công <22 :Không Thưởng
- Lập công thức cho cột phụ cấp chức vụ, biết rằng:  
Nếu chức vụ là GD: 250,000 PGD:200,000 TP:180,000 NV: 150,000
- Tính cột Thực Lãnh= Lương tháng +Thưởng + Phụ cấp chức vụ

Đề số :

**ĐỀ THI THỰC HÀNH**

**NGHỀ : TIN HỌC**

**Hệ: Trung học phổ thông**

Thời gian làm bài: 60 phút (Word và Excel- không kể thời gian phát đề)

**PHẦN I: SOẠN THẢO VĂN BẢN TRÊN MS-WORD (5.0 ĐIỂM)**

Thí sinh soạn văn bản theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình

**Thực phẩm cho người bị bệnh gút**

Gút là một bệnh khớp do rối loạn chuyển hóa nhân purin của tế bào, có thể nói nôm na là rối loạn chuyển hóa đạm, được đặc trưng bởi sự tăng cao quá mức axit uric trong máu và

mô. Các tinh thể urat lắng đọng vào màng hoạt dịch của khớp gây nên viêm khớp cấp tính. Sữa và các sản phẩm của sữa như sữa chua; dưa chuột, dưa hấu. Bánh mì, trứng, đa số các loại trái cây,

rau quả: khoai tây, bí đao, bí đỏ, cải bắp, hành, tỏi... là các thức ăn tốt cho việc phòng và chữa bệnh gút.  

**ĐƠN ĐẶT HÀNG MUA Đĩa PHẦN MỀM**

| Sản phẩm:                                          | Giá (VND) | Số lượng | Thành tiền |
|----------------------------------------------------|-----------|----------|------------|
| Học chính tả tiếng Việt                            | 70000     | 01       | 70000      |
| Thiên nhiên xung quanh em                          | 75000     | 01       | 75000      |
| Tổng (VND)                                         |           |          | 145000     |
| Phí cộng thêm Phí giao hàng thu tiền: 10.000 (VND) |           |          | 10.000     |
| Tổng cộng (VND)                                    |           |          | 155000     |

**PHẦN II: BẢNG TÍNH EXCEL (5,0 ĐIỂM)**

Thí sinh tạo bảng tính theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình:

|   | A                                             | B     | C              | D      | E         | F          | G              | H       | I          |
|---|-----------------------------------------------|-------|----------------|--------|-----------|------------|----------------|---------|------------|
| 1 | <b>BẢNG THANH TOÁN TIỀN ĐIỆN THÁNG 6/2010</b> |       |                |        |           |            |                |         |            |
| 2 |                                               |       |                |        |           |            |                |         |            |
| 3 | Stt                                           | Mã KH | Tên khách hàng |        | Chỉ số cũ | Chỉ số mới | Số KW tiêu thụ | Đơn giá | Thành tiền |
| 4 | 1                                             | GLA   | Nguyễn Thanh   | Nam    | 1211      | 1300       |                |         |            |
| 5 | 2                                             | CSB   | Hoàng Gia      | Bảo    | 2762      | 2850       |                |         |            |
| 6 | 3                                             | CSC   | Đào Khanh      | Ly     | 5113      | 5330       |                |         |            |
| 7 | 4                                             | CSC   | Đỗ Cao         | Huy    | 441       | 557        |                |         |            |
| 8 | 5                                             | CSA   | Nguyễn Bình    | Phương | 7682      | 7880       |                |         |            |
| 9 | Tổng thành tiền:                              |       |                |        |           |            |                | C       |            |

1- Nhập dữ liệu theo mẫu trên.(2đ)

2- Hãy điền cột: **Số KW tiêu thụ=Chỉ số mới -chỉ số cũ.** (0,5đ)

3- Điền vào cột: **Đơn giá.** Lấy ra bên phải **Mã KH** 1 kí tự nếu **Mã KH** là **A** đơn giá là:4200đ.

**Mã KH** là **B** đơn giá là: 3000đ, còn lại đơn giá là: 2600đ. (1đ)

4- Tính cột: **Thành tiền=Số KW tiêu thụ\*Đơn giá.** (0,5đ)

5- Tính tổng **Thành tiền** những người có kí tự đầu **Mã KH** là **C.**(1đ)

Đề số:

**ĐỀ THI THỰC HÀNH**

**NGHỀ : TIN HỌC**

**Hệ: Trung học phổ thông**

Thời gian làm bài: 60 phút (Word và Excel- không kể thời gian phát đề)

**PHẦN I: SOẠN THẢO VĂN BẢN TRÊN MS-WORD (5,0 ĐIỂM)**

*Thí sinh soạn văn bản theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình*



**Mặt Trời và tác hại đến mắt**



**A**nh sáng Mặt Trời rất sáng, nhìn trực tiếp vào Mặt Trời rất có hại cho mắt. Nhìn trực tiếp vào Mặt Trời vào lúc trưa nắng sẽ làm

cho các sắc tố quang hình trong con người mắt màu tạm thời, có thể tạo ra hiện tượng đom đóm mắt và mù tạm thời. Nhìn thẳng vào Mặt Trời

bằng mắt trần sẽ làm nóng lên đủ để gây tác hại. Nhìn thoáng qua Mặt Trời có thể gây cảm giác khó chịu nhưng không gây hại nhiều.

**Cho hàm số:  $f(x) = \frac{(x^2 - 2x + 7)}{(x-1)}$**

**PHẦN II: BẢNG TÍNH EXCEL (5,0 ĐIỂM)**

*Thí sinh tạo bảng tính theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình:*

|   | A                                             | B            | C                     | D      | E                | F                 | G                                | H              | I                 |
|---|-----------------------------------------------|--------------|-----------------------|--------|------------------|-------------------|----------------------------------|----------------|-------------------|
| 1 | <b>BẢNG THANH TOÁN TIỀN NƯỚC THÁNG 5/2010</b> |              |                       |        |                  |                   |                                  |                |                   |
| 2 |                                               |              |                       |        |                  |                   |                                  |                |                   |
| 3 | <b>Stt</b>                                    | <b>Mã KH</b> | <b>Tên khách hàng</b> |        | <b>Chỉ số cũ</b> | <b>Chỉ số mới</b> | <b>Số M<sup>3</sup> tiêu thụ</b> | <b>Đơn giá</b> | <b>Thành tiền</b> |
| 4 | 1                                             | A01          | Bùi Thanh             | Lam    | 2014             | 2309              |                                  |                |                   |
| 5 | 2                                             | B02          | Trần Lê Gia           | Bảo    | 1320             | 1850              |                                  |                |                   |
| 6 | 3                                             | C03          | Đỗ Khanh              | Ly     | 2067             | 2330              |                                  |                |                   |
| 7 | 4                                             | D04          | Cao Huy               | Huy    | 2952             | 3501              |                                  |                |                   |
| 8 | 5                                             | C05          | Lê Văn                | Chương | 1003             | 1083              |                                  |                |                   |
| 9 | <b>Tổng thành tiền:</b>                       |              |                       |        |                  |                   |                                  |                | <b>C</b>          |

- 1- Nhập dữ liệu theo mẫu trên. (2đ)
- 2- Hãy điền cột: **Số M<sup>3</sup> tiêu thụ=Chỉ số mới - chỉ số cũ.** (0,5đ)
- 3- Điền vào cột: **Đơn giá.** Lấy ra bên trái **Mã KH** 1 ký tự nếu là **A** đơn giá là: **3400đ.** là **B** đơn giá là: **3000đ,** còn lại đơn giá là: **2600đ.** (1đ)
- 4- Tính cột: **Thành tiền=Số M<sup>3</sup> tiêu thụ\*Đơn giá.**(0,5đ)
- 5- Tính tổng **Thành tiền** những người có ký tự đầu **Mã KH** là **C.**(1đ)

**ĐỀ THI THỰC HÀNH  
NGHỀ : TIN HỌC  
Hê: Trung học phổ thông**

**PHẦN I: SOAN THẢO VĂN BẢN TRÊN MS-WORD (5.0 ĐIỂM)**

# ĐỊNH DẠNG KÍ TỰ

chữ, cỡ chữ, màu  
sắc..., trước khi định  
dạng, thao tác đầu

tiên là phải chọn  
phần văn bản cần  
định dạng.

## Cách 1: Vào Format→Font...

-  Chọn Font chữ trong mục: **Font**

-  Chon

-  Chon

- ~~Chon~~

-  Chon



- kiểu chữ trong mục:
- Font Style.**

- cỡ chữ trong mục: **Size.**

- màu sắc trong mục: **Font Color.**

- kiểu gạch chân trong mục: **Underline style.**

-  Chọn màu kiểu gạch chân trong mục: **Underline color.**

- ✎ Chọn chỉ số trên bằng cách đánh dấu mục: **Superscript**, chỉ số dưới tại mục: **Subscript**.

**PHẦN II: BẢNG TÍNH EXCEL (5,0 ĐIỂM)** *Tạo bảng tính và lưu với số báo danh của mình:*

|    |                                                                                               |                     |                 |                 |                |                     |                   |                 |                |   |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------|-----------------|----------------|---------------------|-------------------|-----------------|----------------|---|
|    | A                                                                                             | B                   | C               | D               | E              | F                   | G                 | H               | I              | J |
| 1  | <b>THỐNG KÊ BÁN HÀNG</b>                                                                      |                     |                 |                 |                |                     |                   |                 |                |   |
| 2  | Công ty TNHH Đại Phú, tháng 7 năm 2009                                                        |                     |                 |                 |                |                     |                   |                 |                |   |
| 3  | <b>Mã SP</b>                                                                                  | <b>Tên sản phẩm</b> | <b>Đơn giá</b>  | <b>Số lượng</b> | <b>Thuế</b>    | <b>Phí bảo hành</b> | <b>Thành tiền</b> |                 |                |   |
| 4  | CPU4.5                                                                                        |                     |                 | 30              |                |                     |                   |                 |                |   |
| 5  | DDR512                                                                                        |                     |                 | 15              |                |                     |                   |                 |                |   |
| 6  | HDD80                                                                                         |                     |                 | 40              |                |                     |                   |                 |                |   |
| 7  | DDR256                                                                                        |                     |                 | 55              |                |                     |                   |                 |                |   |
| 8  | CPU2.5                                                                                        |                     |                 | 75              |                |                     |                   |                 |                |   |
| 9  | FDD1.44                                                                                       |                     |                 | 20              |                |                     |                   |                 |                |   |
| 10 | <b>Tổng:</b>                                                                                  |                     |                 |                 |                |                     |                   |                 |                |   |
| 11 |                                                                                               |                     |                 |                 |                |                     |                   |                 |                |   |
| 12 | <b>Tổng:</b>                                                                                  | <b>Thành tiền</b>   | <b>Số lượng</b> |                 | <b>Mã</b>      | <b>DDR</b>          | <b>HDD</b>        | <b>CPU</b>      | <b>FDD</b>     |   |
| 13 | <b>Vi xử lý</b>                                                                               |                     |                 |                 | <b>Tên SP</b>  | <b>DD Ram</b>       | <b>Đĩa cứng</b>   | <b>Vi xử lý</b> | <b>Đĩa mềm</b> |   |
| 14 | <b>DD Ram</b>                                                                                 |                     |                 |                 | <b>Đơn giá</b> | 315000              | 700000            | 1300000         | 10000          |   |
| 15 |                                                                                               |                     |                 |                 |                |                     |                   |                 |                |   |
| 16 | 1) Dựa vào 3 kí tự đầu của Mã SP điền vào cột Tên sản phẩm (Dùng If vẫn đạt điểm tối đa)      |                     |                 |                 |                |                     |                   |                 |                |   |
| 17 | 2) Dựa vào 3 kí tự đầu của Mã SP điền vào cột Đơn giá (Dùng If vẫn đạt điểm tối đa)           |                     |                 |                 |                |                     |                   |                 |                |   |
| 18 | 3) Tính cột Thuế, nếu số lượng trên 50 thì Thuế bằng 5% của đơn giá, ngoài ra không tính thuế |                     |                 |                 |                |                     |                   |                 |                |   |
| 19 | 4) Tính Phí bảo hành, Nếu mã SP là CPU thì phí bảo hành là 100000, nếu là DDR thì 50000,      |                     |                 |                 |                |                     |                   |                 |                |   |
| 20 | nếu là HDD thì 70000, ngoài ra phí bảo hành là 0.                                             |                     |                 |                 |                |                     |                   |                 |                |   |
| 21 | 5) Tính cột Thành tiền=Số lượng * Đơn giá - Thuế - Phí bảo hành.                              |                     |                 |                 |                |                     |                   |                 |                |   |
| 22 | 6) Tính tổng: Thuế, Phí bảo hành, Thành tiền.                                                 |                     |                 |                 |                |                     |                   |                 |                |   |
| 23 | 7) Tính tổng Thành tiền, tổng Số lượng của SP là: Vi xử lý, DD Ram.                           |                     |                 |                 |                |                     |                   |                 |                |   |

**ĐỀ THI THỰC HÀNH**  
**NGHỀ : TIN HỌC**  
**Hệ: Trung học phổ thông**

**PHẦN I: SOAN THẢO VĂN BẢN TRÊN MS-WORD (5.0 ĐIỂM)**

## ĐỊNH DẠNG KÍ TỰ

| PHÍM TẮT            | CHỨC NĂNG                                                      |
|---------------------|----------------------------------------------------------------|
| <b>Ctrl+L/R/E/J</b> | <i>Căn lề trái/phải/giữa/đều.</i>                              |
| <b>Ctrl+A</b>       | <i>Chọn toàn bộ văn bản.</i>                                   |
| <b>Ctrl+B/I/U</b>   | <i>Định dạng kiểu chữ <b>đậm</b>/nghiêng/<u>gạch chân</u>.</i> |
| <b>Ctrl+]/[</b>     | <i>Tăng/giảm cỡ chữ.</i>                                       |
| <b>Ctrl+Shift+=</b> | <i>Chỉ số <sup>trên</sup></i>                                  |
| <b>Ctrl+=</b>       | <i>Chỉ số <sub>dưới</sub></i>                                  |

☺ *Chúc các em thành công!*

## **PHẦN II: BẢNG TÍNH EXCEL (5,0 ĐIỂM)**

*Thí sinh tạo bảng tính theo mẫu sau và lưu với số báo danh của mình:*

|    | A                                   | B          | C       | D                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | E   | F   | G         | H   | I       | J        | K       |
|----|-------------------------------------|------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-----------|-----|---------|----------|---------|
| 1  | <b>BẢNG ĐIỂM THI CỦA THÍ SINH</b>   |            |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |     |           |     |         |          |         |
| 2  | <b>Năm học 2009 - 2010</b>          |            |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |     |           |     |         |          |         |
| 3  | TT                                  | Họ tên     | Dân tộc | Toán                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Văn | Anh | Tổng điểm | TBC | Kết quả | Xếp loại | Ghi chú |
| 4  | 1                                   | Hoàng Anh  | Kinh    | 2.0                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4.0 | 3.0 |           |     |         |          |         |
| 5  | 2                                   | Quốc Tuấn  | Kinh    | 9.0                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9.0 | 9.0 |           |     |         |          |         |
| 6  | 3                                   | Rmah Hoa   | Jrai    | 5.0                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8.0 | 4.0 |           |     |         |          |         |
| 7  | 4                                   | A Méo      | Jrai    | 4.0                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5.0 | 4.0 |           |     |         |          |         |
| 8  | 5                                   | Thiên Minh | Kinh    | 10.0                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8.0 | 8.0 |           |     |         |          |         |
| 9  |                                     |            |         | 1. Tính cột Tổng điểm.<br>2. Tính cột TBC (làm tròn 1 chữ số thập phân).<br>3. Điền cột Kết quả:<br>Nếu TBC $\geq 5$ thì ghi là “Đậu” ngoài ra ghi là “Hồng”.<br>4. Điền cột Xếp loại:<br>Nếu TBC $\geq 8$ thì xếp loại “Giỏi”, Nếu $6.5 \leq \text{TBC} < 8$ thì xếp loại “Khá”,<br>Nếu $5 \leq \text{TBC} < 6.5$ thì xếp loại “TB”, ngoài ra để trống. |     |     |           |     |         |          |         |
| 10 | Tổng điểm cao nhất:                 |            |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |     |           |     |         |          |         |
| 11 | Tổng điểm thấp nhất:                |            |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |     |           |     |         |          |         |
| 12 | Số học sinh đậu:                    |            |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |     |           |     |         |          |         |
| 13 | Tổng điểm Hs là người dân tộc Jrai: |            |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |     |           |     |         |          |         |
| 14 |                                     |            |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |     |           |     |         |          |         |
| 15 |                                     |            |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |     |           |     |         |          |         |